

TỔNG CÔNG TY MAY HUNG YÊN  
CÔNG TY CỔ PHẦN

HUNG YEN GARMENT  
CORPORATION – STOCK  
COMPANY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom – Happiness

Số: 08/BC-MHY

No: 08/BC-MHY

Hung Yên, ngày 29 tháng 07 năm 2025

Hung Yen, 29 July 2025

## BÁO CÁO

### Tình hình quản trị công ty *REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE*

(6 tháng năm 2025)  
(6 months/year 2025)

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước;  
To: *The State Securities Commission;*  
- Sở Giao dịch chứng khoán.  
*The Stock Exchange.*

- Tên công ty/*Name of company*: Tổng công ty may Hung Yên – Công ty cổ phần/ *Hung Yen Garment Corporation - Joint Stock Company.*

- Địa chỉ trụ sở chính/*Address of headoffice*: Số 8 đường Bạch Đằng, Phường Phổ Hiến, tỉnh Hưng Yên/*No. 8 stress Bach Dang, Minh Khai Ward, Hung Yen City, Hung Yen Province.*

- Điện thoại: 0221 3515079 *Telephone: 0221 3515079*

*Email: hugaco@hugaco.vn*

- Vốn điều lệ/*Charter capital*: 195.113.890.000 VND/195.113.890.000 VND

- Mã chứng khoán/*Stock symbol*: HUG

- Mô hình quản trị công ty/*Governance model*: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc/*General Meeting of Shareholders, Board of Directors, Board of Supervisors, General Director and Director.*

#### I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông/*Activities of the General Meeting of Shareholders*

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản)/*Information on meetings, resolutions and decisions of the General Meeting of*

Shareholders (including the resolutions of the General Meeting of Shareholders approved in the form of written comments):

Trong 6 tháng đầu năm 2025, Tổng công ty may Hưng Yên – Công ty cổ phần tổ chức 01 cuộc họp Đại hội đồng cổ đông/In the first 6 months of 2025, Hung Yen Garment Corporation - Joint Stock Company held 01 General Meeting of Shareholders.

| Stt<br>No. | Số Nghị quyết/Quyết<br>định Resolution/Decision<br>No. | Ngày<br>Date | Nội dung<br>Content                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|------------|--------------------------------------------------------|--------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 01         | No. 01/NQĐHĐCĐ-<br>MHY                                 | 22/04/2025   | <p>Thông qua các nội dung chính sau/Through the following main contents:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả SXKD năm 2024 và phân phối lợi nhuận năm 2024/ business results and 2024 profit distribution;</li> <li>- Kế hoạch SXKD năm 2025/ Business plan for 2025;</li> <li>- Bầu thành viên hội đồng quản trị và ban kiểm soát nhiệm kỳ 2025-2030/Election of members of the board of directors and supervisory board for the 2025-2030 term</li> <li>-Phê duyệt, quyết toán thù lao Hội đồng quản trị, lựa chọn đơn vị kiểm toán, thời gian chi trả cổ tức, v.v. /Approval and settlement of remuneration of the Board of Directors, selection of auditor, dividend payment time, etc.</li> </ul> |

## II. Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng/năm)/ Board of Directors (Semi-annual report/annual report):

### 1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT)/ Information about the members of the Board of Directors:

| Stt<br>No. | Thành viên HĐQT/ Board of Directors' members  | Chức vụ/ Position (thành viên HĐQT độc lập, TV HĐQT không điều hành)) Independent members of the Board of Directors, Non-executive members of the Board of Directors)) | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập/The date becoming/ceasing to be the member of the Board of Directors |                                                                                       |
|------------|-----------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                                               |                                                                                                                                                                        | Ngày bắt đầu là TV HĐQT/The date becoming to be the member of the Board of Directors                                         | Ngày không còn là TV HĐQT/The date ceasing to be the member of the Board of Directors |
| 1          | Ông Lê Tiến Trường/Mr Le Tien Truong          | Chủ tịch HĐQT/Chairman of Bod                                                                                                                                          | 22/04/2025                                                                                                                   |                                                                                       |
| 2          | Bà Phạm Thị Phương Hoa/Ms Phạm Thị Phương Hoa | Thành viên HĐQT/Member of Bod                                                                                                                                          | 21/03/2015                                                                                                                   |                                                                                       |
| 3          | Ông Phạm Tuấn Anh/Mr Phạm Tuan Anh            | Thành viên HĐQT/Member of Bod                                                                                                                                          | 22/04/2025                                                                                                                   |                                                                                       |

|   |                                               |                                  |            |            |
|---|-----------------------------------------------|----------------------------------|------------|------------|
| 4 | Ông Nguyễn Văn Trung/Mr<br>Nguyen Van Trung   | Thành viên<br>HĐQT/Member of Bod | 21/03/2015 |            |
| 5 | Bà Nguyễn Thị Hiền/Ms<br>Nguyen Thi Hien      | Thành viên<br>HĐQT/Member of Bod | 22/04/2025 |            |
| 6 | Ông Nguyễn Xuân Dương/Mr<br>Nguyen Xuan Duong | Chủ tịch HĐQT/Chairman<br>of Bod |            | 22/04/2025 |
| 7 | Bà Bùi Thị Lý/Ms Bui Thi Ly                   | Thành viên<br>HĐQT/Member of Bod |            | 22/04/2025 |
| 8 | Ông Vương Đức Anh/Mr<br>Vuong Duc Anh         | Thành viên<br>HĐQT/Member of Bod |            | 22/04/2025 |

## 2. Các cuộc họp HĐQT/Meetings of the Board of Directors:

| Stt<br>No. | Thành viên HĐQT/ Board of<br>Director' member    | Số buổi họp HĐQT<br>tham dự/Number of<br>meetings attended by<br>Board of Directors | Tỷ lệ tham dự<br>họp/Attendance rate | Lý do không tham dự<br>họp/Reasons for<br>absence          |
|------------|--------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|------------------------------------------------------------|
| 1          | Ông Lê Tiến Trường/Mr Le Tien<br>Truong          | 1/3                                                                                 | 33,33%                               | Mới bổ nhiệm/newly<br>appointed                            |
| 2          | Bà Phạm Thị Phương Hoa/Ms<br>Pham Thi Phuong Hoa | 3/3                                                                                 | 100%                                 |                                                            |
| 3          | Ông Phạm Tuấn Anh/Mr Pham<br>Tuan Anh            | 1/3                                                                                 | 33,33%                               | Mới bổ nhiệm/newly<br>appointed                            |
| 4          | Ông Nguyễn Văn Trung/Mr<br>Nguyen Van Trung      | 3/3                                                                                 | 100%                                 |                                                            |
| 5          | Bà Nguyễn Thị Hiền/Ms Nguyen<br>Thi Hien         | 1/3                                                                                 | 33,33%                               | Mới bổ nhiệm/newly<br>appointed                            |
| 6          | Ông Nguyễn Xuân Dương/Mr<br>Nguyen Xuan Duong    | 2/3                                                                                 | 66,67%                               | Miễn nhiệm ngày<br>22/4/2025/<br>Dismissed on<br>22/4/2025 |

|   |                                            |     |        |                                                                   |
|---|--------------------------------------------|-----|--------|-------------------------------------------------------------------|
| 7 | Bà Bùi Thị Lý/ <i>Ms Bui Thi Ly</i>        | 2/3 | 66,67% | Miễn nhiệm ngày<br>22/4/2025/<br><i>Dismissed on</i><br>22/4/2025 |
| 8 | Ông Vương Đức Anh/ <i>Mr Vương Duc Anh</i> | 2/3 | 66,67% | Miễn nhiệm ngày<br>22/4/2025/<br><i>Dismissed on</i><br>22/4/2025 |

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc/*Supervising the Board of Management by the Board of Directors:*

Hoạt động giám sát của HĐQT với Ban Tổng Giám đốc được thực hiện theo Điều lệ công ty và quy chế hoạt động của HĐQT. Ban Tổng Giám đốc thực hiện tốt nhiệm vụ SXKD theo theo Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị và Nghị quyết ĐHĐCĐ. Hội đồng quản trị đưa ra chiến lược, giải pháp để thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025, đồng thời giám sát hoạt động đó./*The Board of Directors' supervision of the Board of Management is carried out in accordance with the Company Charter and the Board of Management's operating regulations. The Board of Management performs its production and business tasks well in accordance with the Resolutions and Decisions of the Board of Management and the Resolutions of the Shareholders' Meeting. The Board of Management proposes strategies and solutions to implement the 2025 production and business plan, and at the same time supervises such activities.*

Định kỳ hàng tuần, Chủ tịch HĐQT tham gia các cuộc họp giao ban cùng với Ban điều hành và cán bộ quản lý công ty, cập nhật và chỉ đạo kịp thời tình hình SXKD của công ty./*Periodically, the Chairman of the Board of Directors participates in briefings with the Executive Board and company management staff, promptly updating and directing the company's production and business situation.*

4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có)/*Activities of the Board of Directors' subcommittees (If any):*

5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng/năm) /*Resolutions/Decisions of the Board of Directors (Semi-annual report/annual report):*

| Stt No. | Số Nghị quyết/ Quyết định<br><i>Resolution/Decision No.</i> | Ngày/Date | Nội dung/Content | Tỷ lệ thông qua/ <i>Approval rate</i> |
|---------|-------------------------------------------------------------|-----------|------------------|---------------------------------------|
|---------|-------------------------------------------------------------|-----------|------------------|---------------------------------------|

|   |            |            |                                                                                                                                                             |      |
|---|------------|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 1 | 01/QĐ-HĐQT | 02/01/2025 | Phê duyệt đơn vị cung cấp và mua sắm máy móc thiết bị phục vụ sản xuất/Approval of Supplier and Purchase of Machinery and Equipment for Production Purposes | 100% |
| 2 | 02/QĐ-HĐQT | 02/01/2025 | Phê duyệt đơn vị cung cấp và mua sắm máy móc thiết bị phục vụ sản xuất/Approval of Supplier and Purchase of Machinery and Equipment for Production Purposes | 100% |
| 3 | 03/QĐ-HĐQT | 03/01/2025 | Phê duyệt đơn vị cung cấp và mua sắm máy móc thiết bị phục vụ sản xuất/Approval of Supplier and Purchase of Machinery and Equipment for Production Purposes | 100% |
| 4 | 04/QĐ-HĐQT | 06/01/2025 | Phê duyệt đơn vị cung cấp và mua sắm máy móc thiết bị phục vụ sản xuất/Approval of Supplier and Purchase of Machinery and Equipment for Production Purposes | 100% |
| 5 | 05/QĐ-HĐQT | 04/01/2025 | Phê duyệt đơn vị cung cấp và mua sắm máy móc thiết bị phục vụ sản xuất/Approval of Supplier and Purchase of Machinery and Equipment for Production Purposes | 100% |
| 6 | 06/QĐ-HĐQT | 04/01/2025 | Phê duyệt đơn vị cung cấp và mua sắm máy móc thiết bị phục vụ sản xuất/Approval of Supplier and Purchase of Machinery and Equipment for Production Purposes | 100% |
| 7 | 07/QĐ-HĐQT | 06/01/2025 | Phê duyệt đơn vị cung cấp và mua sắm máy móc thiết bị phục vụ sản xuất/Approval of Supplier and Purchase of Machinery and Equipment for Production Purposes | 100% |
| 8 | 08/QĐ-HĐQT | 06/01/2025 | Phê duyệt đơn vị cung cấp và mua sắm máy móc thiết bị phục vụ sản xuất/Approval of Supplier and Purchase of Machinery and Equipment for Production Purposes | 100% |

|    |                    |            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |      |
|----|--------------------|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 9  | 01/NQHĐQT-MHY/2025 | 16/01/2025 | Nghị quyết HĐQT quý 4/2024 thông qua kết quả SXKD quý 4 và năm 2024, dự kiến phương án phân phối lợi nhuận, đề cử nhân sự thành viên HĐQT, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2025-2030.../Resolution of the Board of Directors for the fourth quarter of 2024 approving the business results of the fourth quarter and the year 2024, the expected profit distribution plan, nominating personnel for the Board of Directors and Supervisory Board for the 2025-2030 term... | 100% |
| 10 | 09/QĐ-HĐQT         | 01/02/2025 | Phê duyệt đơn vị cung cấp và mua sắm máy móc thiết bị phục vụ sản xuất/Approval of Supplier and Purchase of Machinery and Equipment for Production Purposes                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 100% |
| 11 | 10/QĐ-HĐQT         | 03/02/2025 | Phê duyệt đơn vị cung cấp và mua sắm máy móc thiết bị phục vụ sản xuất/Approval of Supplier and Purchase of Machinery and Equipment for Production Purposes                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 100% |
| 12 | 11/QĐ-HĐQT         | 10/02/2025 | Phê duyệt đơn vị cung cấp và mua sắm máy móc thiết bị phục vụ sản xuất/Approval of Supplier and Purchase of Machinery and Equipment for Production Purposes                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 100% |
| 13 | 12/QĐ-HĐQT         | 12/02/2025 | Phê duyệt đơn vị cung cấp và mua sắm máy móc thiết bị phục vụ sản xuất/Approval of Supplier and Purchase of Machinery and Equipment for Production Purposes                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 100% |
| 14 | 13/QĐ-HĐQT         | 17/02/2025 | Phê duyệt đơn vị cung cấp và mua sắm máy móc thiết bị phục vụ sản xuất/Approval of Supplier and Purchase of Machinery and Equipment for Production Purposes                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 100% |
| 15 | 02/NQHĐQT-MHY/2025 | 25/02/2025 | Phê duyệt ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông năm 2025/Approval of the last registration date to exercise the right to attend the 2025 General Meeting of Shareholders                                                                                                                                                                                                                                                         | 100% |
| 16 | 14/QĐ-HĐQT         | 05/03/2025 | Phê duyệt đơn vị cung cấp và mua sắm máy móc thiết bị phục vụ sản xuất/Approval of Supplier and Purchase of Machinery and Equipment for Production Purposes                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 100% |

|    |            |            |                                                                                                                                                             |      |
|----|------------|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 17 | 15/QĐ-HĐQT | 07/03/2025 | Phê duyệt đơn vị cung cấp và mua sắm máy móc thiết bị phục vụ sản xuất/Approval of Supplier and Purchase of Machinery and Equipment for Production Purposes | 100% |
| 18 | 16/QĐ-HĐQT | 08/03/2025 | Phê duyệt đơn vị cung cấp và mua sắm máy móc thiết bị phục vụ sản xuất/Approval of Supplier and Purchase of Machinery and Equipment for Production Purposes | 100% |
| 19 | 17/QĐ-HĐQT | 10/03/2025 | Phê duyệt đơn vị cung cấp và mua sắm máy móc thiết bị phục vụ sản xuất/Approval of Supplier and Purchase of Machinery and Equipment for Production Purposes | 100% |
| 20 | 18/QĐ-HĐQT | 14/03/2025 | Phê duyệt đơn vị cung cấp và mua sắm máy móc thiết bị phục vụ sản xuất/Approval of Supplier and Purchase of Machinery and Equipment for Production Purposes | 100% |
| 21 | 19/QĐ-HĐQT | 14/03/2025 | Phê duyệt đơn vị cung cấp và mua sắm máy móc thiết bị phục vụ sản xuất/Approval of Supplier and Purchase of Machinery and Equipment for Production Purposes | 100% |
| 22 | 20/QĐ-HĐQT | 19/03/2025 | Phê duyệt đơn vị cung cấp và mua sắm máy móc thiết bị phục vụ sản xuất/Approval of Supplier and Purchase of Machinery and Equipment for Production Purposes | 100% |
| 23 | 21/QĐ-HĐQT | 20/03/2025 | Phê duyệt đơn vị cung cấp và mua sắm máy móc thiết bị phục vụ sản xuất/Approval of Supplier and Purchase of Machinery and Equipment for Production Purposes | 100% |
| 24 | 22/QĐ-HĐQT | 24/03/2025 | Phê duyệt đơn vị cung cấp và mua sắm máy móc thiết bị phục vụ sản xuất/Approval of Supplier and Purchase of Machinery and Equipment for Production Purposes | 100% |
| 25 | 23/QĐ-HĐQT | 26/03/2025 | Phê duyệt đơn vị cung cấp và mua sắm máy móc thiết bị phục vụ sản xuất/Approval of Supplier and Purchase of Machinery and Equipment for Production Purposes | 100% |
| 26 | 24/QĐ-HĐQT | 26/03/2025 | Phê duyệt đơn vị cung cấp và mua sắm máy móc thiết bị phục vụ sản xuất/Approval of Supplier and Purchase of Machinery and Equipment for Production Purposes | 100% |

|    |                    |            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |      |
|----|--------------------|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 27 | 25/QĐ-HĐQT         | 01/04/2025 | Phê duyệt đơn vị cung cấp và mua sắm máy móc thiết bị phục vụ sản xuất/Approval of Supplier and Purchase of Machinery and Equipment for Production Purposes                                                                                                                                          | 100% |
| 28 | 26/QĐ-HĐQT         | 05/04/2025 | Phê duyệt đơn vị cung cấp và mua sắm máy móc thiết bị phục vụ sản xuất/Approval of Supplier and Purchase of Machinery and Equipment for Production Purposes                                                                                                                                          | 100% |
| 29 | 03/NQHĐQT-MHY/2025 | 15/04/2025 | Thông qua kết quả SXKD quý 1/2025, kế hoạch SXKD quý 2/2025 và công tác tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2025/Approval of the business results of the first quarter of 2025, the business plan of the second quarter of 2025 and the organization of the annual General Meeting of Shareholders in 2025 | 100% |
| 30 | 01/NQHĐQT-MHY      | 29/04/2025 | Thống nhất bầu Ông Lê Tiến Trường giữ chức vụ chủ tịch HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2025-2030/Unanimously elected Mr. Le Tien Truong to hold the position of Chairman of the Board of Directors of the Company for the 2025-2030 term                                                                       | 100% |
| 31 | 01/QĐHĐQT-MHY      | 29/04/2025 | Bổ nhiệm lại Bà Phạm Thị Phương Hoa giữ chức vụ Tổng giám đốc nhiệm kỳ 2025-2030/Re-appoint Ms. Pham Thi Phuong Hoa to hold the position of General Director for the 2025-2030 term.                                                                                                                 | 100% |
| 32 | 02/QĐHĐQT-MHY      | 29/04/2025 | Bổ nhiệm lại Ông Nguyễn Văn Trung giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc nhiệm kỳ 2025-2030/Re-appoint Mr. Nguyen Van Trung to hold the position of Deputy General Director for the 2025-2030 term                                                                                                            | 100% |
| 33 | 03/QĐHĐQT-MHY      | 29/04/2025 | Bổ nhiệm lại Ông Chu Hữu Nghị giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc nhiệm kỳ 2025-2030/Re-appoint Mr. Chu Huu Nghi to hold the position of Deputy General Director for the 2025-2030 term                                                                                                                    | 100% |
| 34 | 04/QĐHĐQT-MHY      | 29/04/2025 | Bổ nhiệm lại Bà Trần Thị Hương giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty nhiệm kỳ 2025-2030/Re-appoint Ms. Tran Thi Huong to hold the position of Chief Accountant of the Company for the term 2025-2030.                                                                                                   | 100% |

|    |                |            |                                                                                                                                                             |      |
|----|----------------|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 35 | 02/NQHĐQT-MIYY | 02/05/2025 | Về việc phân công nhiệm vụ các thành viên HĐQT/On the assignment of tasks to members of the Board of Directors                                              | 100% |
| 36 | 27/QĐ-HĐQT     | 08/05/2025 | Phê duyệt đơn vị cung cấp và mua sắm máy móc thiết bị phục vụ sản xuất/Approval of Supplier and Purchase of Machinery and Equipment for Production Purposes | 100% |
| 37 | 28/QĐ-HĐQT     | 23/05/2025 | Phê duyệt đơn vị cung cấp và mua sắm máy móc thiết bị phục vụ sản xuất/Approval of the supplier and purchase of machinery and equipment for production      | 100% |

### III. Ban kiểm soát/ Ủy ban Kiểm toán (Báo cáo 6 tháng/năm)/Board of Supervisors/Audit Committee (Semi-annual report/annual report):

#### 1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS)/Ủy ban Kiểm toán/ Information about members of Board of Supervisors or Audit Committee:

| Stt<br>No. | Thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán<br>Members of Board of Supervisors/ Audit Committee | Chức vụ<br>Position                  | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán/The date becoming/ceasing to be the member of the Board of Supervisors/ Audit Committee | Trình độ chuyên môn<br>Qualification |
|------------|--------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|
| 1          | Bà Trương Thị Phương/Ms Trương Thị Phương                                            | Trưởng BKS/Head of the BOS           | Ngày bắt đầu là thành viên BKS từ 22/4/2025/ Date of becoming member of the BOS 22/4/2025                                                          | Cử nhân/Bachelor                     |
| 2          | Bà Vũ Thị Giáng Hương/Ms Vũ Thị Giáng Hương                                          | Thành viên BKS/Member of the BOS     | Ngày bắt đầu là thành viên BKS từ ngày 22/4/2025/ Date of becoming member of the BOS 22/4/2025                                                     | Cử nhân/Bachelor                     |
| 3          | Bà Nguyễn Thị Hà/Ms Nguyễn Thị Hà                                                    | Thành viên BKS/ Member of the BOS    | Ngày bắt đầu là thành viên BKS từ ngày 22/4/2025/ Date of becoming member of the BOS 22/4/2025                                                     | Cử nhân/Bachelor                     |
| 4          | Bà Đinh Thị Thu Hương/Ms Đinh Thị Thu Hương                                          | Trưởng BKS/Head of Member of the BOS | Không còn là TVBKS từ ngày 22/4/2025/ Ceasing to be the member of the BOS from 22/4/2025                                                           | Cử nhân/Bachelor                     |
| 5          | Ông Hoàng Xuân Nam/Mr Hoàng Xuân Nam                                                 | Thành viên BKS/ Member of the BOS    | Không còn là TVBKS từ ngày 22/4/2025/ Ceasing to be the member of the BOS from 22/4/2025                                                           | Cử nhân/Bachelor                     |

|   |                                         |                                         |                                                                                                   |                  |
|---|-----------------------------------------|-----------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|
| 6 | Ông Nguyễn Đức Hải/Mr<br>Nguyen Duc Hai | Thành viên<br>BKS/ Member of<br>the BOS | Không còn là TVBKS từ<br>ngày 22/4/2025/ Ceasing to<br>be the member of the BOS<br>from 22/4/2025 | Cử nhân/Bachelor |
|---|-----------------------------------------|-----------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|

## 2. Cuộc họp của BKS/Meetings of Board of Supervisors

| Stt<br>No. | Thành viên BKS/ Ủy<br>ban Kiểm toán Members of<br>Board of Supervisors/Audit<br>Committee | Số buổi họp<br>tham<br>dự Number<br>of meetings<br>attended | Tỷ lệ tham<br>dự<br>họp/Attend<br>ance rate | Tỷ lệ biểu<br>quyết/Voting<br>rate | Lý do không tham<br>dự họp/Reasons for<br>absence          |
|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|------------------------------------|------------------------------------------------------------|
| 1          | Bà Trương Thị Phương/Ms<br>Truong Thi Phuong                                              | 1                                                           | 50%                                         | 100%                               | Bổ nhiệm<br>22/4/2025/Appointe<br>d April 22, 2025         |
| 2          | Bà Vũ Thị Giáng Hương/Ms<br>Vu Thi Giang Huong                                            | 1                                                           | 50%                                         | 100%                               | Bổ nhiệm<br>22/4/2025/Appointe<br>d April 22, 2025         |
| 3          | Bà Nguyễn Thị Hà/Ms<br>Nguyen Thi Ha                                                      | 1                                                           | 50%                                         | 100%                               | Bổ nhiệm<br>22/4/2025/Appointe<br>d April 22, 2025         |
| 4          | Bà Đinh Thị Thu Hương/ Ms<br>Dinh Thi Thu Huong                                           | 1                                                           | 50%                                         | 100%                               | Miễn nhiệm ngày<br>22/4/2025/Resigned<br>on April 22, 2025 |
| 5          | Ông Hoàng Xuân Nam/Mr<br>Hoang Xuan Nam                                                   | 1                                                           | 50%                                         | 100%                               | Miễn nhiệm ngày<br>22/4/2025/Resigned<br>on April 22, 2025 |
| 6          | Ông Nguyễn Đức Hải/Mr<br>Nguyen Duc Hai                                                   | 1                                                           | 50%                                         | 100%                               | Miễn nhiệm ngày<br>22/4/2025/Resigned<br>on April 22, 2025 |

3. Hoạt động giám sát của BKS/ Ủy ban Kiểm toán đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông/Supervising Board of Directors, Board of Management and shareholders by Board of Supervisors or Audit Committee:

Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được quy định trong Điều lệ công ty và quy chế hoạt động của BKS/The Board of Supervisors performs the duties and powers stipulated in the Company Charter and the Board of Supervisors' operating regulations

Trong 6<sup>th</sup> đầu năm 2025, Ban kiểm soát đã giám sát hoạt động của HĐQT, Ban Tổng giám đốc trong việc tuân thủ Điều lệ Công ty, thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Nghị quyết, quyết định của HĐQT./In the first 6 months of 2025, the Board of Supervisors supervised the activities of the Board of Directors and the Board of Management in complying with the Company Charter, implementing the Resolutions of the General Meeting of Shareholders, Resolutions and decisions of the Board of Directors.

Ban kiểm soát đã trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 thông qua báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2024. Trong năm 2024, Ban kiểm soát không nhận được đơn thư khiếu nại của cổ đông./The Board of Supervisors submitted to the 2025 Annual General Meeting of

Shareholders for approval the Board of Supervisors' 2024 performance report. In 2024, the Board of Supervisors did not receive any complaints from shareholders.

4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác/*the coordination among the Board of Supervisors, Audit Committee, the Board of Management, Board of Directors and other managers:*

HĐQT và Ban lãnh đạo công ty đã tuân thủ quy định trong việc cung cấp thông tin và tạo điều kiện để BKS thực hiện nhiệm vụ giám sát HĐQT và Ban Giám đốc. HĐQT, Ban Giám đốc các bộ quản lý khác và BKS có sự kết hợp chặt chẽ vì lợi ích chung của Công ty, của cổ đông và thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước./*The Board of Directors and the Board of Management of the Company have complied with the regulations in providing information and creating conditions for the Supervisory Board to perform its duties of supervising the Board of Directors and the Board of Management. The Board of Directors, the Board of Management of other management departments and the Supervisory Board have closely coordinated for the common interests of the Company, shareholders and to fulfill their obligations to the State.*

5. Hoạt động khác của BKS/ Ủy ban Kiểm toán (nếu có)/*Other activities of the Board of Supervisors and Audit Committee (if any):*

#### IV. Ban điều hành/Board of Management

| STT<br>No. | Thành<br>viên Ban điều hành/Members of<br>Board of Management | Ngày tháng<br>năm sinh<br><i>Date of birth</i> | Trình độ chuyên<br>môn<br><i>Qualification</i> | Ngày bổ nhiệm/ miễn<br>nhiệm thành viên Ban<br>điều hành/<br><i>Date of<br/>appointment / dismissal<br/>of members of the Board<br/>of Management /</i> |
|------------|---------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | Bà Phạm Thị Phương Hoa/ <i>Ms Phạm Thị<br/>Phuong Hoa</i>     | 26/4/1966                                      | Cử nhân/ <i>Bachelor</i>                       | 22/04/2025                                                                                                                                              |
| 2          | Ông Nguyễn Văn Trung/ <i>Mr Nguyen Van<br/>Trung</i>          | 11/8/1966                                      | Cử nhân<br>/ <i>Bachelor</i>                   | 22/04/2025                                                                                                                                              |
| 3          | Ông Chu Hữu Nghị/ <i>Mr Chu Hữu Nghị</i>                      | 31/10/1971                                     | Cử nhân / <i>Bachelor</i>                      | 22/04/2025                                                                                                                                              |

#### V. Kế toán trưởng/Chief Accountant

| Họ và tên<br><i>Name</i>                  | Ngày tháng<br>năm sinh<br><i>Date of birth</i> | Trình độ chuyên môn nghiệp vụ<br><i>Qualification</i> | Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm<br><i>Date of appointment/ dismissal</i> |
|-------------------------------------------|------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|
| Trần Thị Hương/ <i>Tran Thi<br/>Huong</i> | 23/01/1981                                     | Cử nhân / <i>Bachelor</i>                             | 22/4/2025                                                          |

#### VI. Đào tạo về quản trị công ty/*Training courses on corporate governance:*

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo

quy định về quản trị công ty/*Training courses on corporate governance were involved by members of Board of Directors, the Board of Supervisors, Director (General Director), other managers and secretaries in accordance with regulations on corporate governance:*

Trong 6<sup>th</sup> đầu năm 2025, Công ty tập trung cao độ cho sản xuất nên chưa tổ chức được lớp đào tạo về quản trị công ty/*In the first 6 months of 2025, the Company focused heavily on production so it was not able to organize a training course on corporate governance.*

**VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng (Báo cáo 6 tháng/năm) và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty/*The list of affiliated persons of the public company (Semi-annual report/annual report) and transactions of affiliated persons of the Company***

1. Danh sách về người có liên quan của công ty/*The list of affiliated persons of the Company: Chi tiết tại phụ lục 1 đính kèm/Details in attached Appendix 1.*

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ/*Transactions between the Company and its affiliated persons or between the Company and its major shareholders, internal persons and affiliated persons: Chi tiết tại phụ lục 2 đính kèm/Details in attached Appendix 2.*

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát/*Transaction between internal persons of the Company, affiliated persons of internal persons and the Company's subsidiaries in which the Company takes controlling power: Không/none*

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác/*Transactions between the Company and other objects: Không/none.*

4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo)/*Transactions between the Company and the company that its members of Board of Management, the Board of Supervisors, Director (General Director) have been founding members or members of Board of Directors, or CEOs in three (03) latest years (calculated at the time of reporting): Chi tiết tại phụ lục 3 đính kèm/Details in attached Appendix 3.*

4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành/*Transactions between the Company and the company that its affiliated persons with members of Board of Directors, Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers as a member of Board of Directors, Director (General Director or CEO).*

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người

quản lý khác/ *Other transactions of the Company (if any) may bring material or non- material benefits for members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers.*

**VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (Báo cáo 6 tháng/năm)/Share transactions of internal persons and their affiliated persons (Semi-annual report/annual report)**

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ/*The list of internal persons and their affiliated persons công ty /Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the Company: Chi tiết theo phụ lục 4 đính kèm./Details in attached Appendix 4.*

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty/*Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the company: Không phát sinh/Not available.*

**IX. Các vấn đề cần lưu ý khác/Other significant issues: Không có/none.**

*Nơi nhận/Recipients:*

- Như trên/As above;

- Lưu: VT, TCKT/Archived: VT, TCKT

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHAIRMAN OF THE BOARD  
OF DIRECTORS**



**LÊ TIẾN TRƯỜNG**

## PHỤ LỤC 1/APPENDIX 1



**DANH SÁCH NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA TỔNG CÔNG TY MAY HUNG YÊN - CÔNG TY CỔ PHẦN/**  
**LIST OF RELATED PERSONS OF HUNG YEN GARMENT CORPORATION - JOINT STOCK COMPANY**

(Đính kèm Báo cáo tình hình quản trị công ty 6th đầu năm 2025/Attached is the Corporate Governance Report for the first 6 months of 2025)

| STT/N<br>o. | Tên tổ chức/cá nhân Name of organiza<br>tion/indi vidual | Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at<br>the Company (if any)    | Thời điểm bắt<br>đầu là người<br>có liên<br>quan Time of<br>starting to be<br>affiliated<br>person | Thời điểm<br>không còn là<br>người có liên<br>quan Time of<br>ending to be<br>affiliated person | Lý do/<br>Reasons | Mối quan hệ liên<br>quan với công<br>ty/Relat<br>ionship with the<br>Company |
|-------------|----------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------------------------------------------------------------------------|
| 1           | Ông Lê Tiến Trường/Mr Le Tien Truong                     | Chủ tịch HĐQT/Chairman of Bod                                       | 22/04/2025                                                                                         |                                                                                                 |                   |                                                                              |
| 2           | Bà Phạm Thị Phương Hoa/Ms Phạm Thị Phuong<br>Hoa         | Thành viên HĐQT - Tổng Giám<br>đốc/Member of Bod - General Director | 21/03/2015                                                                                         |                                                                                                 |                   |                                                                              |
| 3           | Ông Phạm Tuấn Anh/Mr Phạm Tuan Anh                       | Thành viên HĐQT/Member of Bod                                       | 22/04/2025                                                                                         |                                                                                                 |                   | Cổ đông lớn/Major<br>shareholder                                             |
| 4           | Ông Nguyễn Văn Trung/Mr Nguyen Van Trung                 | Thành viên HĐQT/Member of Bod                                       | 21/03/2015                                                                                         |                                                                                                 |                   |                                                                              |
| 5           | Bà Nguyễn Thị Hiền/Ms Nguyen Thi Hien                    | Thành viên HĐQT/Member of Bod                                       | 22/04/2025                                                                                         |                                                                                                 |                   |                                                                              |
| 6           | Ông Nguyễn Xuân Dương/Mr Nguyen Xuan Duong               | Chủ tịch HĐQT/Chairman of Bod                                       |                                                                                                    | 22/04/2025                                                                                      |                   |                                                                              |
| 7           | Bà Bùi Thị Lý/Ms Bui Thi Ly                              | Thành viên HĐQT/Member of Bod                                       |                                                                                                    | 22/04/2025                                                                                      |                   |                                                                              |
| 8           | Ông Vương Đức Anh/Mr Vương Đức Anh                       | Thành viên HĐQT/Member of Bod                                       |                                                                                                    | 22/04/2025                                                                                      |                   |                                                                              |

|    |                                                                                 |                                          |              |            |  |                                    |
|----|---------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|--------------|------------|--|------------------------------------|
| 9  | Ông Chu Hữu Nghị/Mr Chu Huu Nghi                                                | Phó Tổng giám đốc/Deputy General Manager | 31/10/2016   |            |  |                                    |
| 10 | Bà Trương Thị Phương/Ms Truong Thi Phuong                                       | Trưởng BKS/Head of Board of Supervisors  | 22/04/2025   |            |  |                                    |
| 11 | Bà Vũ Thị Giáng Hương/ Ms Vu Thi Giang Huong                                    | Thành viên BKS/Board of Supervisors      | 22/04/2025   |            |  |                                    |
| 12 | Bà Nguyễn Thị Hà/Ms Nguyen Thi Ha                                               | Thành viên BKS/Board of Supervisors      | 22/04/2025   |            |  |                                    |
| 13 | Bà Đinh Thị Thu Hường/Ms Đinh Thị Thu Huong                                     | Trưởng BKS/Head of Board of Supervisors  |              | 22/04/2025 |  |                                    |
| 14 | Ông Hoàng Xuân Nam/Mr Hoang Xuan Nam                                            | Thành viên BKS/Board of Supervisors      |              | 22/04/2025 |  |                                    |
| 15 | Ông Nguyễn Đức Hải/Mr Nguyen Duc Hai                                            | Thành viên BKS/Board of Supervisors      |              | 22/04/2025 |  |                                    |
| 16 | Bà Trần Thị Hường/Ms Tran Thi Huong                                             | Kế toán trưởng/Chief accountant          |              |            |  |                                    |
| 17 | Tập đoàn Dệt may Việt Nam/Vietnam National Textile and Garment Group            |                                          | tháng 1/2005 |            |  | Cổ đông lớn/Major shareholder      |
| 18 | Công ty cổ phần Phú Hưng/Phu Hung Joint Stock Company                           |                                          | Từ năm 2009  |            |  | Công ty liên kết/Affiliate company |
| 19 | Công Ty Cổ Phần Tiên Hưng/Tien Hung Joint Stock Company                         |                                          | Từ năm 2007  |            |  | Công ty liên kết/Affiliate company |
| 20 | Công ty CP May Xuất Khẩu Ninh Bình/Ninh Binh Garment Export Joint Stock Company |                                          |              |            |  | Công ty liên kết/Affiliate company |





PHỤ LỤC 3/APPENDIX 3

**TRANSACTIONS BETWEEN THE COMPANY AND THE COMPANY IN WHICH THE BOARD OF DIRECTORS/CEOS AND THEIR RELATED PERSONS ARE BOARD OF DIRECTORS/CEOS**

(Đính kèm Báo cáo tình hình quản trị công ty 6th đầu năm 2025/Attached is the Corporate Governance Report for the first 6 months of 2025)

| STT | Tên tổ chức/cá nhân                                                                  | Mối quan hệ liên quan với công ty<br><i>Relationship with the Company</i>                                                                                        | Thời điểm giao dịch với công ty<br><i>Time of transactions with the Company</i> | Nội dung giao dịch/transaction content               | Tổng giá trị giao dịch (VNĐ)/Total transaction value (VND) |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|
| 1   | Công ty cổ phần may Việt Giang/Viet Giang Garment Joint Stock Company/               | Tổ chức có liên quan đến Bà Phạm Thị Phương Hoa - TV HĐQT-TGĐ/Organizations related to Ms. Pham Thi Phuong Hoa - Member of Board of Directors - General Director | Trong 6th đầu năm 2025/In the first 6 months of 2025                            | Mua hàng hóa, dịch vụ/Purchase of goods and services | 60,481,338,332                                             |
|     |                                                                                      |                                                                                                                                                                  |                                                                                 | Bán hàng hóa, dịch vụ/Sale of goods and services     | 11,159,877,864                                             |
| 2   | Công ty cổ phần may Việt Ý - Hưng Yên/Viet Y Garment Joint Stock Company - Hung Yen/ | Tổ chức có liên quan đến Bà Nguyễn Thị Hiền - TV HĐQT/Organizations related to Ms. Nguyen Thi Hien - Member of Board of Directors                                | Trong 6th đầu năm 2025/In the first 6 months of 2025                            | Bán hàng hóa, dịch vụ/Sale of goods and services     | 4,370,061,448                                              |
|     |                                                                                      |                                                                                                                                                                  |                                                                                 | Mua hàng hóa, dịch vụ/Purchase of goods and services | 26,315,132                                                 |

## PHỤ LỤC 4/APPENDIX 4



**DANH SÁCH NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI/TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ/**  
**LIST OF INSIDERS AND RELATED PERSONS/ORGANIZATIONS OF INSIDERS/**  
 (Đính kèm Báo cáo tình hình quản trị công ty 6th đầu năm 2025/Attached is the Corporate Governance Report for the first 6 months of 2025)

| Stt No. | Họ tên Name                                                             | Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)    | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/Percentage of share ownership at the end of the period | Ghi chú/ Note                 |
|---------|-------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|
| 1       | Lê Tiến Trường/ Le Tien Truong                                          | Chủ tịch HĐQT/Chairman of Bod                                    |                                                                            |                                                                                      |                               |
| 1.1     | Lê Văn Tiến/Le Van Tien                                                 |                                                                  |                                                                            |                                                                                      | Bố/ Father                    |
| 1.2     | Phạm Kim Ân/Pham Kim En                                                 |                                                                  |                                                                            |                                                                                      | Mẹ/ Mother                    |
| 1.3     | Lê Tiến Thịnh/Le Tien Thinh                                             |                                                                  |                                                                            |                                                                                      | Em trai/ Brother              |
| 1.4     | Phạm Thị Cẩm Liên/Pham Thi Cam Lien                                     |                                                                  |                                                                            |                                                                                      | Em dâu/ Sister-in-law         |
| 1.5     | Tập đoàn Dệt may Việt Nam/Vietnam National Textile and Garment Group    |                                                                  |                                                                            |                                                                                      | Chủ tịch HĐQT/Chairman of Bod |
| 1.6     | Tổng công ty may Việt Thắng - CTCP/Viet Thang Garment Corporation - JSC |                                                                  |                                                                            |                                                                                      | Chủ tịch HĐQT/Chairman of Bod |
| 2       | Phạm Thị Phương Hoa/Pham Thi Phuong Hoa                                 | Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc/Member of Bod - General Director | 188,592                                                                    | 0.97%                                                                                |                               |
| 2.1     | Phạm Văn Hà/Pham Van Ha                                                 |                                                                  |                                                                            |                                                                                      | Bố/ Father                    |
| 2.2     | Phạm Hữu Lợi/Pham Huu Loi                                               |                                                                  | 57,024                                                                     | 0.29%                                                                                | Chồng/Husband                 |
| 2.3     | Phạm Thị Phương Mai/Pham Thi Phuong Mai                                 |                                                                  | 79,642                                                                     | 0.41%                                                                                | Con gái/Daughter              |
| 2.4     | Nguyễn Đức Nam/Nguyen Duc Nam                                           |                                                                  |                                                                            |                                                                                      | Con rể/Son-in-law             |
| 2.5     | Phạm Thị Mai Phương/Pham Thi Mai Phuong                                 |                                                                  | 85,155                                                                     | 0.44%                                                                                | Con gái/Daughter              |
| 2.6     | Phạm Trung Kiên/Pham Trung Kien                                         |                                                                  |                                                                            |                                                                                      | Con rể/Son-in-law             |
| 2.7     | Phạm Tiến Dũng/Pham Tien Dung                                           |                                                                  |                                                                            |                                                                                      | Anh trai/Brother              |

|      |                                                       |                               |           |       |                               |
|------|-------------------------------------------------------|-------------------------------|-----------|-------|-------------------------------|
| 2.8  | Đoàn Thị Nụ/Doan Thi Nu                               |                               |           |       | Chị dâu/Sister-in-law         |
| 2.9  | Phạm Thị Vân/Pham Thi Van                             |                               |           |       | Chị gái/Sister                |
| 2.10 | Nguyễn Xuân Hiệp/Nguyen Xuan Hiep                     |                               |           |       | Anh rể/Brother-in-law         |
| 2.11 | Phạm Thị Thanh Hương/Pham Thi Thanh Huong             |                               |           |       | Chị gái/Sister                |
| 2.12 | Nguyễn Việt Bảo/Nguyen Viet Bao                       |                               |           |       | Anh rể/Brother-in-law         |
| 2.13 | Phạm Thị Thanh Tuyết/Pham Thi Thanh Tuyen             |                               | 138,240   | 0.71% | Em gái/Sister                 |
| 2.14 | Phạm Thọ Quyết/Pham Tho Quyet                         |                               |           |       | Em rể/Brother-in-law          |
| 2.15 | Phạm Anh Đông/Pham Anh Dong                           |                               | 62,953    | 0.32% | Em trai/ Brother              |
| 2.16 | Lại Thị Thu Trà/Lai Thi Thu Tra                       |                               |           |       | Em dâu/ Sister-in-law         |
| 2.17 | Công ty cổ phần Phú Hưng/Phu Hung Joint Stock Company |                               |           |       | Chủ tịch HĐQT/Chairman of Bod |
| 3    | Phạm Tuấn Anh/ Pham Tuan Anh                          | Thành viên HĐQT/Member of Bod | 1,560,521 | 8%    |                               |
| 3.1  | Nguyễn Thị Huệ/Nguyen thi Hue                         |                               |           |       | Mẹ đẻ/Mother                  |
| 3.2  | Vũ Đình Trọng                                         |                               |           |       | Bố vợ/Father-in-law           |
| 3.3  | Nguyễn Thị Ngoan                                      |                               |           |       | Mẹ vợ/Mother-in-law           |
| 3.4  | Vũ Thị Thanh Tươi                                     |                               | 148,226   | 0,76% | Vợ/Wife                       |
| 3.5  | Phạm Quang Anh                                        |                               | 83,672    | 0,43% | Con trai/Son                  |
| 3.6  | Lương Thị Phương Anh                                  |                               |           |       | Con dâu/Daughter-in-law       |
| 3.7  | Phạm Đức Anh                                          |                               | 39,187    | 0,20% | Con trai/Son                  |
| 3.8  | Phạm Văn Sỹ                                           |                               |           |       | Em trai/Brother               |
| 3.9  | Phạm Thị Hằng                                         |                               |           |       | Em Gái/Sister                 |
| 3.10 | Vũ Thị Nga                                            |                               |           |       | Em dâu/Sitter-in-law          |

|      |                                                                                 |                               |         |       |                                                                  |
|------|---------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|---------|-------|------------------------------------------------------------------|
| 3.11 | Phạm Văn Năng                                                                   |                               |         |       | Em rể/Brother-in-law                                             |
| 3.12 | Công Ty Cổ Phần Tiên Hưng/Tien Hung Joint Stock Company                         |                               |         |       | Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc/Member of Bod - General Director |
| 4    | Nguyễn Văn Trung/ Nguyen Van Trung                                              | Thành viên HĐQT/Member of Bod | 224,893 | 1.15% |                                                                  |
| 4.1  | Nguyễn Quang Duy/Nguyen Quan Duy                                                |                               | 144,000 | 0.74% | Con trai/Son                                                     |
| 4.2  | Nguyễn Huy Hoàng/Nguyen Huy Hoang                                               |                               | 144,000 | 0.74% | Con trai/Son                                                     |
| 4.3  | Đỗ Thị Ngọc Trâm/Do Thi Ngoc Tram                                               |                               |         |       | Con dâu/Daughter-in-law                                          |
| 4.4  | Nguyễn Thanh Thủy/Nguyen Thanh Thuy                                             |                               |         |       | Vợ/Wife                                                          |
| 4.5  | Nguyễn Thanh Chiến/Nguyen Thanh Chien                                           |                               |         |       | Em trai/Brother                                                  |
| 4.6  | Dương Thị Kim Bình/Dương Thi Kim Binh                                           |                               |         |       | Em dâu/ Sister-in-law                                            |
| 4.7  | Công ty cổ phần Phú Hưng/Phu Hung Joint Stock Company                           |                               |         |       | Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc/Member of Bod - General Director |
| 4.8  | Công ty CP May Xuất Khẩu Ninh Bình/Ninh Binh Garment Export Joint Stock Company |                               |         |       | Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc/Member of Bod - General Director |
| 5    | Nguyễn Thị Hiền/ Nguyen Thi Hien                                                | Thành viên HĐQT/Member of Bod | 227.049 | 1,16% |                                                                  |
| 5.1  | Nguyễn Xuân Dương                                                               |                               | 615.466 | 3,15% | Bố/Father                                                        |
| 5.2  | Nguyễn Thị Him                                                                  |                               | 110.169 | 0,56% | Mẹ/Mother                                                        |
| 5.3  | Nguyễn Xuân Ninh                                                                |                               |         |       | Anh trai/Brother                                                 |
| 5.4  | Nguyễn Thị Ái Dung                                                              |                               |         |       | Chị dâu/Sister - in- lã                                          |
| 5.5  | Nguyễn Xuân Vị                                                                  |                               |         |       | Anh trai/Brother                                                 |
| 5.6  | Trần Thị Chuyên                                                                 |                               | 58.809  | 0,30% | Chị dâu/Sister - in- lã                                          |
| 5.7  | Nguyễn Thị Hiền                                                                 |                               |         |       | Em gái/ Sister                                                   |



|      |                                                                                     |                                                |               |              |                                                                  |
|------|-------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|---------------|--------------|------------------------------------------------------------------|
| 5.8  | Phạm Châu Anh                                                                       |                                                |               |              | Con gái/ Daughter                                                |
| 5.9  | Phạm Hà Anh                                                                         |                                                |               |              | Con gái/ Daughter                                                |
| 5.10 | Công ty cổ phần may Việt Ý - Hưng Yên/Viet Y Garment Joint Stock Company - Hung Yen |                                                |               |              | Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc/Member of Bod - General Director |
| 6    | <b>Trương Thị Phương/ <i>Truong Thi Phuong</i></b>                                  | <b>Trưởng BKS/Head of Board of Supervisors</b> | <b>28.867</b> | <b>0.15%</b> |                                                                  |
| 6.1  | Nguyễn Thị Phóng                                                                    |                                                |               |              | Mẹ đẻ/Mother                                                     |
| 6.2  | Dương Quang Hồng                                                                    |                                                |               |              | Chồng/Husband                                                    |
| 6.3  | Dương Hoàng Sinh                                                                    |                                                |               |              | Con trai/Son                                                     |
| 6.4  | Dương Khánh Linh                                                                    |                                                |               |              | Con gái/Daughter                                                 |
| 6.5  | Trần Đình Huy                                                                       |                                                |               |              | Con rể/Son-in-Law                                                |
| 6.6  | Trương Thị Phương                                                                   |                                                |               |              | Em gái/Sister                                                    |
| 6.7  | Trương Thị Phần                                                                     |                                                |               |              | Em gái/Sister                                                    |
| 6.8  | Trương Đình Phẩm                                                                    |                                                |               |              | Em trai/Brother                                                  |
| 6.9  | Đỗ Thị Đông                                                                         |                                                |               |              | Mẹ chồng/Mother-in-law                                           |
| 6.10 | Dương Thị Thành                                                                     |                                                |               |              | Chị chồng/Sister-in-law                                          |
| 6.11 | Dương Quang Tích                                                                    |                                                |               |              | Anh chồng/Brother-in-law                                         |
| 6.12 | Dương Quang Thắng                                                                   |                                                |               |              | Anh chồng/Brother-in-law                                         |
| 6.13 | Dương Quang Lợi                                                                     |                                                |               |              | Anh chồng/Brother-in-law                                         |
| 6.14 | Dương Thị Hoa                                                                       |                                                |               |              | Chị chồng/Sister-in-law                                          |
| 7    | <b>Vũ Thị Giáng Hương/<i>Vu Thi Giang Huong</i></b>                                 | <b>Thành viên BKS/Board of Supervisors</b>     | <b>27.36</b>  | <b>0,14%</b> |                                                                  |
| 7.1  | Chu Hữu Nghi                                                                        | Phó Tổng giám đốc/Deputy General Manager       |               |              | Chồng/Husband                                                    |

|     |                                                   |                                     |        |       |                        |
|-----|---------------------------------------------------|-------------------------------------|--------|-------|------------------------|
| 7.2 | Chu Giang Linh                                    |                                     |        |       | Con gái/ Daughter      |
| 7.3 | Chu Hà Vy                                         |                                     |        |       | Con gái/ Daughter      |
| 7.4 | Phạm Thị Thành                                    |                                     |        |       | Mẹ/Mother              |
| 7.5 | Vũ Xuân Khương                                    |                                     |        |       | Anh trai/Brother       |
| 7.6 | Chu Xuân Hồng                                     |                                     |        |       | Bố chồng/Father-in-law |
| 7.7 | Trần Thị Nụ                                       |                                     |        |       | Mẹ chồng/Mother-in-law |
| 8   | Bà Nguyễn Thị Hà/ <i>Ms Nguyen Thi Ha</i>         | Thành viên BKS/Board of Supervisors | 40.641 | 0,20% |                        |
| 8.1 | Nguyễn đình Thi/ <i>Nguyen Dinh Thi</i>           |                                     |        |       | Bố/Father              |
| 8.2 | Trần thị Nga/ <i>Tran Thi Nga</i>                 |                                     |        |       | Mẹ chồng/Mother-in-law |
| 8.3 | Nguyễn thị Thu Hương/ <i>Nguyen Thi Thu Huong</i> |                                     |        |       | Con gái/Daughter       |
| 8.4 | Hoàng thế Việt/ <i>Hoang The Viet</i>             |                                     |        |       | Con rể/Son-in-law      |
| 8.5 | Nguyễn mạnh Tiến/ <i>Nguyen Manh Tien</i>         |                                     |        |       | Con trai/Son           |
| 8.6 | Nguyễn đình Mạnh/ <i>Nguyen Dinh Manh</i>         |                                     |        |       | Anh trai/Brother       |
| 8.7 | Trần thị Thu/ <i>Tran Thi Thu</i>                 |                                     |        |       | Chị dâu/Sister-in-law  |
| 8.8 | Nguyễn văn Sỹ/ <i>Nguyen Van Sy</i>               |                                     |        |       | Em trai/Brother        |
| 8.9 | Nguyễn thị Lan/ <i>Nguyen Thi Lan</i>             |                                     |        |       | Em dâu/Sitter-in-law   |
| 9   | Chu Hữu Nghị                                      | Phó TGD                             | 47,444 | 0.24% |                        |
| 9.1 | Chu Xuân Hồng                                     |                                     |        |       | Bố chồng/Father-in-law |
| 9.2 | Trần Thị Nụ                                       |                                     |        |       | Mẹ chồng/Mother-in-law |
| 9.3 | Vũ Thị Giáng Hương/ <i>Vu Thi Giang Huong</i>     | Thành viên BKS/Board of Supervisors | 27.36  | 0,14% | Vợ/Wife                |
| 9.4 | Chu Giang Linh                                    |                                     |        |       | Con gái/ Daughter      |

|       |                       |                                        |              |              |                       |
|-------|-----------------------|----------------------------------------|--------------|--------------|-----------------------|
| 9.5   | Chu Hà Vy             |                                        |              |              | Con gái/ Daughter     |
| 9.6   | Chu Quốc Hưng         |                                        |              |              | Anh trai/Brother      |
| 9.7   | Chu Thị Phương        |                                        |              |              | Chị gái/Sister        |
| 9.8   | Chu Tường Anh         |                                        |              |              | Anh trai/Brother      |
| 9.9   | Chu Thị Hồng Diệp     |                                        |              |              | Em gái/Sister         |
| 9.10  | Phạm Thị Thành        |                                        |              |              | Mẹ vợ /Mother-in-law  |
| 9.11  | Vũ Xuân Khương        |                                        |              |              | Anh vợ/Brother-in-law |
| 10    | <b>Trần Thị Hường</b> | <b>Kế toán trưởng/Chief accountant</b> | <b>9,872</b> | <b>0.05%</b> |                       |
| 10.1  | Trần Hữu Miên         |                                        |              |              | Bố/Father             |
| 10.2  | Vũ Tuấn Huy           |                                        |              |              | Con trai/Son          |
| 10.3  | Vũ Tuấn Minh          |                                        |              |              | Con trai/Son          |
| 10.4  | Trần Thị Huệ          |                                        |              |              | Chị gái/Sister        |
| 10.5  | Trần Thanh Hà         |                                        |              |              | Em gái/Sister         |
| 10.6  | Trần Thanh Hiền       |                                        |              |              | Em gái/Sister         |
| 10.7  | Trần Thanh Hải        |                                        |              |              | Em gái/Sister         |
| 10.8  | Trần Thị Thanh Hoa    |                                        |              |              | Em gái/Sister         |
| 10.9  | Quách Anh Hiền        |                                        |              |              | Anh rể/Brother-in-law |
| 10.1  | Nguyễn Bá Quân        |                                        |              |              | Em rể/Brother-in-law  |
| 10.11 | Trần Đức Ngọc         |                                        |              |              | Em rể/Brother-in-law  |
| 10.12 | Bạch Vinh Quang       |                                        |              |              | Em rể/Brother-in-law  |